

Số: 34/2025/QĐST-HNGĐ

Q, ngày 26 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 122/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1984; địa chỉ: thôn C, xã V, tHnh phố Đ (nay là khu Cửa Phúc, phường An Sinh), tỉnh Q.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1979; địa chỉ: thôn 3, xã N, phố Đ (nay là khu 3 – N, phường Đ), tỉnh Q.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 157, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, các khoản 1 và 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 7 Điều 26; điểm a, điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải tHnh ngày 18 tháng 8 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 8 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải tHnh, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị H có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 27/12/2015 kể từ tháng 8/2025 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Chị H cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

- *Về tài sản chung*: Các đương sự thống nhất như sau:

+ Đối với tài sản tại khu 3 - N, phường Đ: Các đương sự thống nhất giá trị tài sản là 200.000.000đồng; Anh Nguyễn Văn H có quyền sở hữu tài sản là căn nhà có diện tích 97,3m² và các công trình được xây dựng trên thửa đất số 580, tờ bản đồ số 28; có địa chỉ tại: thôn 3, xã N, thành phố Đ (nay là khu 3 – N, phường Đ), tỉnh Q. Đất đã được UBND thị xã Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DK362158 ngày 07/5/2024 mang tên anh Nguyễn Văn H.

Anh H có trách nhiệm thanh toán cho chị H số tiền là 47.000.000đồng (bốn mươi bảy triệu đồng).

+ đối với tài sản tại khu C, phường An Sinh: các đương sự thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị Nguyễn Thị H rút yêu cầu chia tài sản đối với tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 01; có địa chỉ tại thôn Cửa Phúc, xã V, thành phố Đ (nay là khu C, phường A), tỉnh Q. Đất đã được UBND huyện Đ, tỉnh Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA969880 ngày 07/12/2010 mang tên ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị H. Do đó Tòa án không xem xét giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị H phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 75.000đồng (*bảy mươi lăm nghìn đồng*), án phí dân sự sơ thẩm là 2.350.000đồng (*hai triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*); được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 10.500.000đồng (*mười triệu năm trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004207 ngày 27 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 – Q); trả lại chị H số tiền 8.075.000đ (*tám triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*).

Anh Nguyễn Văn H phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 75.000đồng (*bảy mươi lăm nghìn đồng*), án phí dân sự sơ thẩm là 7.650.000đồng (*bảy triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*);

- *Về phí chi tố tụng*:

+ Đối với yêu cầu chia tài sản tại khu 3 – N, phường Đ, tỉnh Q: chi phí tố tụng cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ là 10.000.000đồng (*mười triệu đồng*), chị H đã nộp đủ số tiền tạm ứng chi phí tố tụng; các đương sự thỏa thuận mỗi người chịu một nửa số tiền chi phí tố tụng, do đó anh H có trách nhiệm trả cho chị H số tiền chi phí tố tụng là 5.000.000đồng (*năm triệu đồng*).

+ Đối với yêu cầu chia tài sản tại khu Cửa Phúc, phường An Sinh, tỉnh Q: chị H là nguyên đơn, đã rút yêu cầu chia tài sản nên phải chịu tiền chi phí tố tụng cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản nêu trên, chị H đã nộp đủ tiền chi phí tố tụng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Nguyễn Thị H cho đến khi thi hành án xong đối với số tiền chia tài sản 47.000.000đồng và số tiền chi phí tố tụng

5.000.000đồng , anh Nguyễn Văn H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Hình theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban Hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi Hình án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 5 - Q;
- Thi Hình án dân sự tỉnh Q;
- TAND tỉnh Q;
- UBND phường Đ,
- tỉnh Q (Nơi ĐKKH);
- Lưu HSVA; VP.

THẨM PHÁN

Phan Tuấn Anh